TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-PT
Ngày 15 tháng 3 năm 2024.
"V/v xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành và bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Xuân Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 "Về việc xin ly hôn và nuôi con chung".

Do Bản án hôn nhân gia đình số: 20/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà A hẻm B, T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội, (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Trung T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà H, ngõ I, đường N, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Trần Trung T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 02/4/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Kim C trình bày:

- Về tình cảm: Bà Nguyễn Kim C kết hôn với ông Trần Trung T vào ngày 05/4/2000 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên bà C và ông T sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông T không quan tâm đến gia đình, từng sống

với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm chu cấp, nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Nay, bà C xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn nên đề nghị được ly hôn ông T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà C, ông T có 02 con chung là Trần Ngân G, sinh ngày 03/01/2001 và Trần Khôi N, sinh ngày 26/12/2008. Hiện nay, Trần Ngân G đã trưởng thành, có khả năng lao động nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn đối với Trần Khôi N thì bà C đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng; các nghĩa vụ về tài sản (khoản vay, cho vay) và công sức đóng góp: Bà C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trần Trung T trình bày:

- Về tình cảm: Ông Trần Trung T thừa nhận lời trình bày của bà C về thời điểm vợ chồng đăng ký kết hôn và thời gian vợ chồng chung sống cũng như việc vợ chông sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Tuy nhiên, ông T không đồng ý về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng như bà C trình bày. Theo ông T thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà C không tin tưởng ông nên tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà C đề nghị ly hôn ông T cũng đồng ý.

- Về con chung: Ông T đồng ý với lời trình bày của bà C là vợ chồng có 02 con chung Trần Ngân G, sinh ngày 03/01/2001 và Trần Khôi N, sinh ngày 26/12/2008. Hiện nay, Trần Ngân G đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên việc cấp dưỡng không đặt ra; còn đối với Trần Khôi N thì ông T đồng ý để bà C đề được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng việc cấp dưỡng không đặt ra do bà C không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Ông T cho rằng hai vợ chồng có tài sản chung là căn hộ 902 tầng 9, tòa nhà A tại KĐT S, quận L, thành phố Hà Nội; nguồn tiền mua căn hộ do bà C mua bằng tiền của bà C theo chế độ của cơ quan, ông không đóng góp gì và không tham gia giao dịch mua bán. Tài sản này bà C đã chuyển nhượng cho người khác, ông T đề nghị được chia 400.000.000 đồng. Ngày 23/8/2023 ông T đã nhận được Thông báo số 237/TB-TA ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên về việc thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung, ông T đã được Tòa án giải thích về nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí khi đề nghị chia tài sản trong vụ án ly hôn nhưng ông không đồng ý nộp tạm ứng án phí.

Ngoài ra ông T còn trình bày: Ông T có tài sản riêng là nhà đất tại số A, ngách H, ngõ H, phố Y, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội nhưng hiện tại bà C và gia đình bà C đang quản lý sử dụng nhà đất này. Ông T yêu cầu bà C và gia đình bà C phải có nghĩa vụ trả lại nhà đất trên là tài sản riêng đó cho ông T. Ông T trình bày, năm 2011 bà C và ông T có ký vào biên bản hòa giải thành trong vụ

án *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" do Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết và sau đó Tòa án đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, việc bà C ký vào biên bản công nhận thỏa thuận trên đã gây thiệt hại cho ông nên ông T yêu cầu bà C phải bồi thường tổng số tiền cả gốc và lãi tính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/9/2023 là 151.000.000.000 đồng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 20/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên đã quyết định:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Kim C với ông Trần Trung T.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Kim C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Khôi N, sinh ngày 26/12/2008 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được. Ông Trần Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xen xét giải quyết.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2023, ông Trần Trung T có đơn kháng cáo nội dung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên về nội dung chia tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, yêu cầu bà C bồi thường thiệt hại; yêu cầu bà Chi trả lại tài sản, trả lại tiền thuê nhà cho ông T; yêu cầu bà C phải xin lỗi công khai, bồi thường thiệt hại... Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Trung T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung thêm các nội dung. Cụ thể đó là: Xử lý sai phạm, vi phạm pháp luật của Ngân hàng TMCP Đ1 chi nhánh Đ2 và cán bộ liên quan đến sai phạm bồi thường; Xử lý sai phạm, vi phạm pháp luật của Ngân hàng TMCP V và cán bộ có liên quan đến sai phạm bồi thường; Xử lý sai phạm, vi phạm pháp luật của Công ty T1 và bồi thường; Xử lý sai phạm, vi phạm pháp luật của Luật sư Trần Xuân Đ; Xử lý sai phạm, vi phạm pháp luật của Kiểm sát viên Triệu Mạnh H, kèm yêu cầu bồi thường; Xử lý sai phạm, vi phạm pháp luật của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, Thẩm phán, Thư ký có liên quan đến vi phạm, kèm yêu cầu bồi thường; Xử lý sai phạm, vi phạm pháp luật đối với bà Nguyễn Kim C, kèm yêu cầu bồi thường bổ sung… đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Trung T; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ

thẩm số: 20/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Trần Trung T trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Kim C là nguyên đơn có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu được ly hôn với bị đơn là ông Trần Trung T, đề nghị về nuôi con chung của bà C với ông T. Vì vậy cần xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "tranh chấp về việc xin ly hôn và nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Trần Trung T hiện đang trú tại đường N, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Trần Trung T kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Nguyễn Kim C và bị đơn Trần Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 05/4/2000 tại UBND phường T, quận Đ, Hà Nội theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng bà C, ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Từ năm 2011 bà C và ông T sống ly thân từ đó đến nay. Giữa nguyên đơn Nguyễn Kim C và bị đơn Trần Trung T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà C với ông T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà C và ông T có 02 con chung Trần Ngân G, sinh ngày 03/01/2001 và cháu Trần Khôi N, sinh ngày 26/12/2008. Hiện nay, Trần Ngân G đã trưởng thành, có khả năng lao động nên vợ chồng bà C, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn Trần Khôi N chưa đủ 18 tuổi có nguyện vọng muốn ở với bà C và bà C có yêu cầu nuôi dưỡng con chung Trần Khôi N đã được ông T đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao con chung Trần Khôi N cho bà Nguyễn Kim C chăm sóc, nuôi dưỡng, không buộc ông T cấp dưỡng nuôi con chung Trần Khôi Nguyên do bà C không yêu cầu.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ về tài sản và công sức đóng góp: Bà Nguyễn Kim C là nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết; còn ông

Trần Trung T là bị đơn đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, khi Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu ông T nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản thì ông T lại không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết yêu cầu về chia tài sản trong vụ án hôn nhân gia đình. Do không đồng ý với Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, ông Trần Trung T kháng cáo.

[4]. Xét về các nội dung kháng cáo của ông Trần Trung T; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

- Về nội dung: Ông T cho rằng vợ chồng có tài sản chung là căn hộ 902 tầng 9, tòa nhà A tại KĐT S, L, Hà Nội, bà C đã Chuyển nhượng cho người khác, ông T đề nghị được chia 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi được Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu ông T không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật thì ông T không nộp. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Trung T thừa nhận do bà C không yêu cầu chia tài sản chung nên ông T đã đề nghị chia tài sản nhưng khi Tòa án cấp sơ thẩm có yêu cầu nộp chi phí tạm ứng án phí chia tài sản thì ông T không nộp. Ông T cho rằng trong vụ án hôn nhân gia đình khi ông có yêu cầu thì Tòa án phải giải quyết, việc Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu chia tài sản của ông T là vi phạm pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định không xem xét, giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của ông T, bà C là phù hợp vì ông T có yêu cầu mà không thực hiện nghĩa vụ do pháp luật quy định. Trường hợp sau khi ly hôn, nếu ông T có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về nội dung ông T yêu cầu bà C phải bồi thường cho ông T số tiền 151.000.000.000 đồng do bà C đã cùng ông T ký vào biên bản hòa giải thành ngày 30/8/2021 trong vụ án "tranh chấp hợp đồng tín dụng" do Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết và sau đó Tòa án đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự thấy rằng: Quyết định số 14/2011/QĐST-KDTM ngày 09/9/2011 về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nội dung xác nhận ông T nợ và có nghĩa vụ trả Ngân hàng Đ1 đã có hiệu lực pháp luật nên các đương sự có nghĩa vụ thi hành. Mặt khác yêu cầu của ông T buộc bà C phải bồi thường do cùng ông T ký vào biên bản hòa giải tại Tòa án không phải là quan hệ tranh chấp được xem xét trong vụ án Hôn nhân và gia đình nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là có căn cứ.

- Về nội dung ông T yêu cầu bà Nguyễn Kim C, ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Thị Khiêm C1 trả nhà đất có địa chỉ số A, ngách H, ngõ H, phố Y, phường T, quận Đ và trả cho ông T số tiền thuê nhà là 600.000.000 đồng, xin lỗi công khai và bồi thường số tiền 200.000.000 đồng thấy rằng: Toàn bộ những yêu cầu của ông T không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án "Hôn nhân gia đình" nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật. Trường hợp sau khi ly hôn, ông T có căn cứ cho rằng hiện nay bà

C, ông D, bà C1.. chiếm đoạt và sử dụng nhà đất đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T thì có quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về các nội dung kháng cáo bổ sung gồm: Xử lý sai phạm, vi phạm pháp luật của Ngân hàng TMCP Đ1 chi nhánh Đ2 và cán bộ liên quan đến sai phạm bồi thường; Xử lý sai phạm, vi phạm pháp luật của Ngân hàng TMCP V và cán bộ có liên quan đến sai phạm bồi thường; Xử lý sai phạm, vi phạm pháp luật của Công ty T1 và bồi thường; Xử lý sai phạm, vi phạm pháp luật của Luật sư Trần Xuân Đ; Xử lý sai phạm, vi phạm pháp luật của Kiểm sát viên Triệu Mạnh H, kèm yêu cầu bồi thường; Xử lý sai phạm, vi phạm pháp luật của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, Thẩm phán, Thư ký có liên quan đến vi phạm, kèm yêu cầu bồi thường; Xử lý sai phạm, vi phạm pháp luật đối với bà Nguyễn Kim C, kèm yêu cầu bồi thường bổ sung…Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Toàn bộ các nội dung kháng cáo bổ sung của ông Trần Trung T không thuộc nội dung xét xử trong vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp ông T cho rằng, quyền lợi ích hợp pháp của ông T bị xâm phạm thì có quyền đề nghị giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Kim C với ông Trần Trung T; giao cho bà Nguyễn Kim C nuôi dưỡng con chung Trần Khôi N và không xem xét giải quyết nội dung về tài sản chung là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận. Do đó kháng cáo của ông Trần Trung T là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Trung T; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 20/2023/HNGĐ-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông Trần Trung T không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Trung T; giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 20/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Kim C với ông Trần Trung T.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Kim C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Khôi N, sinh ngày 26/12/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được. Ông Trần Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con chung Trần Khôi N và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết

4. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Trần Trung T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); xác nhận ông Trần Trung T đã nộp đủ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003765 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố Phúc Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phúc Yên;
- Các đương sự.
- Lưu HSVA; Tòa DS;.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Sơn